TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 6 - 2024
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang
2. Ông Kim Diễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 374/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Kim Thị Thu T, sinh ngày 16/6/1994; địa chỉ ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Thạch S, sinh ngày 01/01/1992; địa chỉ ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Kim Thị Thu T trình bày: Vào năm 2013, do mai mối nên chị và anh Thạch S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 07/5/2013 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng lên Bình Dương làm công nhân, thời gian này vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và có 01 người con chung tên Thạch Thị Thu T1, sinh ngày 26/8/2014. Tuy nhiên, đến tháng 6 năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, do anh S có tính ghen tuông vô cớ, thường xuyên dùng lời nói thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm đối với chị. Vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên chị cố gắng chịu đựng mong anh

Thạch S thay đổi nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 10/2022, do không chịu đựng được tính nết của anh Thạch S nên chị đã dọn ra sống riêng từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau; thời gian ly thân hai bên gia đình có tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn những vẫn không có kết quả. Nay chị nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Thạch S đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống bỏ mặt nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể chung sống với nhau. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch S; về con chung tên Thạch Thị Thu T1, sinh ngày 26/8/2014, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Thạch S cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 07/6/2024 của bị đơn anh Thạch S trình bày: Vào năm 2013 anh có kết hôn cùng với chị Kim Thu T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Thạch Thị Thu T1, sinh ngày 26/8/2014; về tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống vợ chồng cũng có cải vả lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay mà không hàn gắn được. Hiện nay nhận thấy mâu thuẫn giữa anh và chị Kim Thị Thu T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên anh đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị Kim Thị Thu T; về con chung tên Thạch Thị Thu T1, sinh ngày 26/8/2014 thì anh thống nhất giao cho Kim Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Kim Thị Thu T và bị đơn anh Thạch S đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Kim Thị Thu T và bị đơn anh Thạch S đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 07/5/2013 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S là hợp pháp. Chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S đều cho rằng thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt nghĩa vụ giữa vợ và chồng, đồng thời có 01 người con chung tên Thạch Thị Thu T1, sinh ngày 26/8/2014. Đến tháng 6 năm 2022 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyện cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2022 đến nay; thời gian ly thân mặc dù gia đình hại bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Thấy rằng, đây là sự thừa nhận của các đương sự nên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015. Hiện nay, phía chị Kim Thị Thu T có yêu cầu ly hôn với anh Thạch S; phía anh Thạch S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Kim Thị Thu T. Do đó, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Thạch S.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống giữa chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S có 01 người con chung tên Thạch Thị Thu T1, sinh ngày 26/8/2014. Thấy rằng, từ khi chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S sống ly thân với nhau thì cháu Thạch Thị Thu T1, sinh sống trực tiếp với gia đình chị Kim Thị Thu T, hiện nay chị Kim Thị Thu T có yêu cầu được tiếp trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu Thu T1; phía anh Thạch S cũng thống nhất giao con chung cho chị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, việc này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu Thạch Thị Thu T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn chị Kim Thị Thu T phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị Thu T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S.

+ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S thống nhất giao cháu Thạch Thị Thu T1, sinh ngày 26/8/2014 cho chị Kim Thị Thu T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, đây cùng là nguyện vọng của cháu Thạch Thị Thu T1. Chị Kim Thị Thu T tự nguyện không yêu cầu anh Thạch S cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai

bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kim Thị Thu T và anh Thạch S thống nhất xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Kim Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Kim Thị Thu T đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018505 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị Kim Thị Thu T không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Tân Sơn, huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône